TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 268/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30/7/2020
V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Năng
2. Ông Trần Minh Triển

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân Gia đình thụ lý số 36/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 2 năm 2020 về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thúy A, sinh năm 1993 (Có Đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 01, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Dương Quốc V, sinh năm 1991 (Có Đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 5, ấp E, thị trấn F, huyện D, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 11/02/2020 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn – Bà Lê Thị Thúy A trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông V do quen biết sau đó chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 8 năm 2016, nhưng cả hai không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian đầu chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng đến khoảng tháng 03 năm 2019 thì vợ chồng thường hay phát sinh mâu thuẫn và bất đồng ý kiến với nhau. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông V.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Ngọc Bảo T, sinh ngày 12/01/2017. Hiện cháu T đang sống với bà, sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn – Ông Dương Quốc V: Đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông không đến Tòa án. Tuy nhiên, ông có gửi Tờ tự khai và xin xét xử vắng mặt ngày 28/7/2020, nội dung ông V trình bày tại Tờ tự khai thể hiện:

- Về hôn nhân: Ông và bà A quen biết và chung sống với nhau từ năm 2016, có tổ chức đám cưới nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, từ năm 2019 ông và bà A đã ly thân đến nay được 01 năm, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay bà A yêu cầu ly hôn với ông thì ông cũng đồng ý ly hôn;

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Ngọc Bảo T, sinh ngày 12/01/2017. Hiện cháu T đang sống với bà A, sau khi ly hôn ông đồng ý đế bà A được tiếp tục nuôi cháu T, ông không cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và kết quả thu thập chứng cứ:

- Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Giấy chứng minh nhân dân, hộ khẩu của nguyên đơn (Bản photo); Đơn xác nhận không có đăng ký kết hôn; Giấy khai sinh cháu T (Bản sao); Phiếu gửi hồ sơ cho ông V; Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 28/7/2020.

- Bị đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm: Chứng minh nhân dân (Bản photo); Tờ tự khai và xin xét xử vắng mặt ngày 28/7/2020.

- Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án tiến hành thu thập: Phiếu xác minh tình trạng cư trú của ông V ngày 03/7/2020; Biên bản không lấy được lời khai của ông V ngày 02/7/2020.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, bị đơn: Vắng mặt và có Đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

+ Việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà A với ông V; Về con chung: Giải quyết bà A được tiếp tục nuôi cháu Lê Ngọc Bảo T, ông V không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Bà A và ông V trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm: Bà A phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Lê Thị Thúy A có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Dương Quốc V, do vậy xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Dương Quốc V có nơi cư trú tại tổ 5, ấp Hòa Phú IV, thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, bà A và ông V vắng mặt. Tuy nhiên, cả hai đều có Đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 , khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà A và ông V.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân:

Theo trình bày của bà A và ông V tại các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì ông bà chung sống với nhau từ năm 2016, hôn nhân do quen biết tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa ông bà xảy ra mâu thuẫn không thể khắc phục, do bất đồng quan điểm sống, ông bà đã sống ly thân khoảng1 năm. Nay bà A yêu cầu ly hôn thì ông V cũng đồng ý ly hôn.

Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Cần Đăng, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang (BL 08) và Uỷ ban nhân dân thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang (BL 09) thể hiện: Qua kết quả tra cứu trên cơ sở dữ liệu hộ tịch lưu tại Uỷ ban không tìm thấy thông tin kết hôn của bà Lê Thị Thúy A và ông Dương Quốc V trong sổ bộ hộ tịch kết hôn.

Từ những nêu trên, có cơ sở xác định bà A và ông V chung sống từ năm 2016, có tổ chức đám cưới nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, trong

trường hợp nam nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Nay bà A yêu cầu Tòa án giải quyết bà được ly hôn với ông V, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định *"Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng",* hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà Lê Thị Thúy A và ông Dương Quốc V là vợ chồng.

2.2 Về con chung: Trong thời gian chung sống bà A và ông V có 01 con chung tên Lê Ngọc Bảo T, sinh ngày 12/01/2017, hiện cháu T đang sống với bà A. Sau khi ly hôn bà A yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Trân, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con, về phía ông V cũng đồng ý để bà A được tiếp tục nuôi con, ông không cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy Hội đồng xét xử giao con chung là cháu T cho bà A được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình. Bà A phải tạo điều kiện cho ông V trong việc tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do bà A không yêu cầu nên ông V không phải cấp dưỡng nuôi con. Về quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn Nhân và Gia đình.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Bà A và ông V đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm*:*

Bà A là nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Bà A và ông V có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 14; Khoản 2 Điều 53; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị Thúy A và ông Dương Quốc V là vợ chồng.

2. Về con chung:

Giao con chung là cháu Lê Ngọc Bảo T, sinh ngày 12/01/2017 cho bà Lê Thị Thúy A được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Bà A phải tạo điều kiện cho ông V trong việc tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do bà A không yêu cầu nên ông V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn Nhân và Gia đình.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Thúy A phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006769 ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

4. Quyền kháng cáo:

Bà Lê Thị Thúy A và ông Dương Quốc V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Ngọc Trinh